

Số: /QĐ-UBND Bắc Kạn, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền quản lý và giải quyết của các Sở, ban, ngành
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở, ban, ngành:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 5 (t/h);
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, ngành Trung ương (để biết);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NĂM 2025

1. SỞ CÔNG THƯƠNG

1.1. Thủ tục: Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC tại bước xử lý của UBND cấp huyện từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp như sau:

“Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra thông báo”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 335.542.760 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 323.237.990 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 12.304.770 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,66 %

1.2. Thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2027 của Chính phủ về kinh doanh rượu như sau: *“Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 46.717.880 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 42.133.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.584.130 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,81 %

2. SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

2.1. Thủ tục: Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện từ 60 ngày xuống còn 55 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng tôn giáo như sau:

“...a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; ...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 795.339.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 728.057.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 67.282.200 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,4 %

2.2. Thủ tục: Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC do Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện từ 60 ngày xuống còn 55 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 19 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 như sau: “....a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh) cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một tỉnh trong thời hạn 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.976.690.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.648.490.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 328.200.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,2 %

3. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

3.1. Thủ tục: Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục

3.2. Thủ tục: Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết của thủ tục từ 20 ngày xuống 18 ngày tại bước thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 78 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục như sau: “c) Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của nhà trường và lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại Điều 77 Nghị định này”.

- Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 83 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục như sau: “c) Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của trường; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại Điều 82 Nghị định này”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.030.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 59.169.880 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.860.320 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,524 %

4. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

4.1. Thủ tục: Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như sau: “2. Đối với hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp chuẩn, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp chuẩn để xử lý như sau:”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.085.680 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.261.880 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm 823.800 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,4 %

4.2. Thủ tục: Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị điểm d khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành như sau: “d) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.970.160 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.391.112 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 579.048 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,6 %

4.3. Thủ tục: Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như sau: “2. Đối với hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp chuẩn, Chi cục phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp chuẩn để xử lý như sau: ...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.628.520 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.392.820 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.235.700 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,4 %

4.4. Thủ tục: Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 9 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ như sau: “3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm quyền có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.750.800 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.724.132 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm 2.026.668 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,78 %

4.5. Thủ tục: Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “Bản gốc giấy phép cần bổ sung”.

Lý do: Giấy phép đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp và được lưu giữ, số hóa tại Sở. Do đó khi nộp hồ sơ đề nghị bổ sung, tổ chức, các nhân không cần phải cung cấp lại Giấy phép đã được cấp mà chỉ cần ghi nội dung thông tin cần bổ sung của Giấy phép trong Đơn đề nghị bổ sung.

- Về thời hạn giải quyết: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống còn 22 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị bỏ điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

- Đề nghị điểm b khoản 6 Điều 32 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử như sau: “b) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp bổ sung Giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI của Nghị định này trong thời hạn sau đây:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định này là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế là 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 62.215.152 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 48.840.540 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm 13.374.612 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %

4.6. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm g khoản 2 Điều 4 Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao như sau: “g) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Báo cáo kết quả thẩm định và Biên bản họp của Hội đồng, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận xem xét, quyết định việc cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp từ chối, phải trả lời và nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.300.802 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.188.419 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm 3.112.383 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,76 %

4.7. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ như sau: “2. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.301.596 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.599.372 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm 2.702.224 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,32 %

5. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

5.1. Thủ tục: Công nhận làng nghề truyền thống;

5.2. Thủ tục: Công nhận nghề truyền thống;

5.3. Thủ tục: Công nhận làng nghề.

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn như sau: “*b) Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.918.738 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.050.166 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 868.572 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,29 %

5.4. Thủ tục: Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi như sau: “*b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.918.738 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.843.816 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.074.922 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,41 %

5.5. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi như sau: “c) Đối với hoạt động quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định này: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.198.098 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.715.558 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 482.540 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,49 %

6. SỞ NỘI VỤ

6.1. Thủ tục: Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, Điều 1, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP) như sau: “2. Chậm nhất sau 30 ngày

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này có trách nhiệm cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do".

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 186.004.880 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 145.954.060 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 40.050.820 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22 %

6.2. Thủ tục: Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10, Điều 1, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP) như sau: “b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, cơ quan cấp phép thành lập quỹ cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó ghi rõ số lần cấp lại và số giấy phép thành lập đã được cấp trước đây, nếu không cấp lại phải nêu rõ lý do”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 185.039.800 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 144.988.980 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 40.050.820 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%

7. SỞ TÀI CHÍNH

7.1. Thủ tục: Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời hạn giải quyết: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

- Bãi bỏ quy định phải nộp phí khi doanh nghiệp yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là kết quả giải quyết TTHC được cơ quan đăng ký kinh doanh (Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính) cấp cho doanh nghiệp. Để tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp đề nghị bãi bỏ quy định phải nộp phí khi doanh nghiệp yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 33 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp như sau: “1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 34 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.955.241 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.212.859 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.742.382 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35 %

7.2. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp như sau: “2. ... Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác

nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 96.880.056 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 63.004.480 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 33.875.576 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35 %

8. SỞ TƯ PHÁP

8.1. Thủ tục: Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 16 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý như sau: *“Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp thẻ cộng tác viên theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành. Bộ Tư pháp cấp phôi thẻ cộng tác viên”.*

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.776.995 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.149.215 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.627.780 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,62 %

8.2. Thủ tục: Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC tại bước giải quyết của Sở Tư pháp.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý như sau:

“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại thẻ, Giám đốc Trung tâm kiểm tra danh sách cộng tác viên theo số thẻ đã

cấp cho cộng tác viên và đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên cho người đề nghị”.

“3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên được cấp lại giữ nguyên số thẻ được cấp lần đầu nhưng thời gian cấp ghi trên thẻ là ngày được cấp lại”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.053.185 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.736.515 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.316.670 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,12 %

8.3. Thủ tục: Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị quy định Mẫu đơn/ tờ khai đối với thành phần hồ sơ là: *“Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự”*.

Lý do: Hiện nay, thủ tục Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng không quy định về mẫu Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự. Việc không quy định mẫu chung thống nhất sẽ không đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thiết mà cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu; hơn nữa gây mất thời gian đối với cá nhân thực hiện TTHC khi phải tự soạn thảo Văn bản đề nghị. Do đó, cần thiết quy định mẫu Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự nhằm triển khai thực hiện thống nhất, giúp tiết kiệm thời gian soạn thảo Văn bản cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị quy định, bổ sung *Mẫu Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự* tại Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.738.110 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.387.315 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.350.795 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,34 %

8.4. Thủ tục: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ *“Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng”*.

Lý do: Khi tổ chức thực hiện TTHC Sáp nhập Văn phòng công chứng, Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành *“Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng”*. Sau khi

UBND tỉnh ban hành quyết định đã gửi cho Sở Tư pháp để theo dõi, quản lý (bản giấy hoặc bản PDF). Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ “*Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng*” là không cần thiết, Sở Tư pháp có thể dễ dàng tự khai thác thông tin khi tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, giúp giảm chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ “*Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng*” quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.538.265 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.338.105 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.200.160 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,26 %

8.5. Thủ tục: Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp

8.6. Thủ tục: Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị quy định mẫu *Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động* trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Hiện nay, thủ tục “*Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp*” và thủ tục “*Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất*” không quy định về mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động. Việc không quy định mẫu chung thống nhất sẽ không đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thiết mà cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu; hơn nữa gây mất thời gian đối với cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC khi phải tự soạn thảo Đơn đề nghị. Do đó, cần thiết quy định mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động nhằm triển khai thực hiện thống nhất, giúp tiết kiệm thời gian soạn thảo Đơn đề nghị cho cá nhân, tổ chức.

- Về thời hạn giải quyết: Giảm thời gian giải quyết của thủ tục tại bước giải quyết của Sở Tư pháp.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị quy định, bổ sung *Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động* tại Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

- Về thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời hạn thực hiện của Sở Tư pháp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp như sau: “1. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp”

“2... Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.072.230 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.203.180 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.869.050 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,05 %

9. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

9.1. Thủ tục: Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15/8/2016 như sau: “2. Thời gian giám định tối đa không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.492.622 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.479.288 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.013.334 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23 %

9.2. Thủ tục: Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: “ b) ... Trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do ”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.692.622 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.920.558 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 772.064 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16 %

9.3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình như sau : “d. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình ... ”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.525.572 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.308.429 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 217.143 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14 %

9.4. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 37 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam như sau: “3. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

c. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.777.939 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.237.144 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 540.795 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14 %

9.5. Thủ tục: Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 09 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 61 của Luật du lịch năm 2017 như sau: “c. Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh tổ chức kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 9 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

c. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.580.241 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.154.955 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 425.286 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8 %

9.6. Thủ tục: công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 28 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2010/TT- BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia như sau: *“Trong thời hạn 28 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật”*.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.637.875 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.745.875 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 892.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %

9.7. Thủ tục: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

9.8. Thủ tục: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

9.9. Thủ tục: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao như sau: *“Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”*.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.850.003 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.623.176 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 226.827 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %

10. SỞ XÂY DỰNG

10.1. Thủ tục: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung mẫu báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ/đồ án, nhiệm vụ điều chỉnh/ đồ án điều chỉnh quy hoạch và các mẫu Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh/đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC; đồng thời đảm bảo tính thống nhất về thành phần hồ sơ của TTHC, góp phần thuận lợi cho cả cơ quan thực hiện TTHC trong quá trình giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung số lượng hồ sơ xin ý kiến trong quá trình thẩm định; mẫu báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng/đô thị và mẫu Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng/đô thị tại Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 130.925.480 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 127.065.160 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.860.320 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,95 %

10.2. Thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống còn 19 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020 như sau: "... b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau: "(e) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan

có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian 19 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình, bao gồm cả giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời và trong thời gian 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản này. Thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo”;

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 94.336.570 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 90.476.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.860.320 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,09 %

10.3. Thủ tục: Cấp, cấp lại giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Lý do: Hiện nay thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã được cho phép tích hợp trên hệ thống VNeID, việc bỏ thành phần bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tiết kiệm chi phí thực hiện cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là Bản sao giấy đăng ký xe ô tô quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 117.315.950 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 112.440.550 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.875.400 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,16 %

10.4. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh (Đối với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô như sau: “ *Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh:...b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ*”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 91.882.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 56.939.720 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 34.942.880 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38 %

11. SỞ Y TẾ

11.1. Thủ tục: Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 30 ngày xuống 15 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

c) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 54 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược như sau: “3. *Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ký duyệt đơn hàng mua hoặc cho phép bằng văn bản cho cơ sở nhượng lại trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 124.342.618 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 65.944.802 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 58.397.816 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,97 %

11.2. Thủ tục: Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 27 Điều 5 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế như sau: “*c) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hủy có công văn cho phép hủy trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ;*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.195.290 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.099.074 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 39.096.216 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,37 %

11.3. Thủ tục: Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 7 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 55 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược như sau: “.....- *Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Sở Y tế có văn bản cho phép cơ sở bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ;*

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.528.590 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.454.614 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 12.073.976 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,32 %

11.4. Thủ tục: Cung cấp thuốc phóng xạ

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 15 ngày xuống 10 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 7 Điều 1 Thông tư số 27/2024/TT-BYT ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt như sau: “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Sở Y tế nơi đặt địa điểm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp thuốc phóng xạ có văn bản chấp thuận việc cung cấp thuốc của cơ sở; ...*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60,376,230 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.099.074 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 20.277.156 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,58 %

11.5. Thủ tục: Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 10 ngày xuống 7 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc như sau: “.....a) *Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về việc đồng ý với nội dung thay đổi trong trường hợp việc thay đổi đáp ứng yêu cầu;...*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 93.535.584 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 81.461.608 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 12.073.976 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,91 %

11.6. Thủ tục: Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện của thủ tục từ 10 ngày xuống 7 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc như sau: “.....a) Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Y tế ban hành văn bản về việc đồng ý với nội dung thay đổi trong trường hợp việc thay đổi đáp ứng yêu cầu;...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 83.535.584 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 71.461.608 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 12.073.976 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,45 %

11.7. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 5 ngày xuống 3 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế như sau: “.....b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo xem xét cấp lại cho cơ sở...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.303.824 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.090.168 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 8.213.656 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,83 %

11.8. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 20 Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế như sau: “.....3. Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45.948.284 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.874.308 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 18.926.044 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,19 %

11.9. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 20 Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế như sau: “.....3. Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 74.060.038 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 61.986.062 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 12.073.976 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,30 %

11.10. Thủ tục: Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện thủ tục từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: Tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp các tổ chức tiết kiệm thời gian trong hoạt động Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh như sau: “4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm đăng tải thông tin của cơ sở hướng dẫn thực hành trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60.858.770 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 41.064.154 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 19.794.616 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,53 %

11.11. Thủ tục: Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 5 Điều 32 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh như sau: “5. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: cơ quan cấp giấy phép hành nghề ra quyết định thu hồi giấy phép hành nghề sau 10 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 61.341.310 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 39.616.534 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 21.724.776 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,42 %

11.12. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

11.13. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện thủ tục từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế như sau: *“b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo xem xét cấp lại cho cơ sở...”*.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 61.341.310 đồng/năm
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 39.616.534 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 21.724.776 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,42 %

12. THANH TRA TỈNH

12.1. Thủ tục: Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết tố cáo từ 30 ngày xuống 28 ngày, kể từ ngày thụ lý; Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 28 ngày; Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 28 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018 như sau: *“Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 28 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo; Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 28 ngày; Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 28 ngày.”*

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 382.471.680 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 359.309.760 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 23.161.920 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %

12.2. Thủ tục thực hiện việc giải trình

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn xử lý đơn từ 15 ngày xuống 13 ngày, kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về thời hạn giải trình tại Điều 13 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng như sau: “*Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 13 ngày, kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình; trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần; thời gian gia hạn không quá 13 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 208.757.280 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 185.595.360 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 23.161.920 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,10 %

13. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

13.1. Thủ tục: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).

Lý do: Các thành phần hồ sơ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký đầu tư, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời hạn thực hiện thủ tục quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 và khoản 4 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau:

“...c) Trong thời hạn 23 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;...”

“...4. Trong thời hạn 23 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư...”

- Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 57.260.510 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 46.323.840 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 10.936.670 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19 %

14. UBND huyện Chợ Mới

14.1. Thủ tục: Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc Hộ tịch

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 03 ngày thành 02 ngày làm việc (Áp dụng đối với trường hợp không phải xác minh).

Lý do: Đối với trường hợp không phải xác minh thời gian 3 ngày làm việc là nhiều trong trường hợp công dân đến làm thủ tục có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, đáp ứng được các điều kiện, hơn nữa hiện nay Chủ tịch UBND huyện đã ủy quyền giải quyết TTHC về thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và xác định lại dân tộc về phòng Tư pháp giải quyết, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho công dân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014 như sau: *“Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải*

chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 118.125.792 đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 78.750.528 đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 39.275.264 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %

14.2. Thủ tục: Báo cáo tổ chức Đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc (*Áp dụng đối với trường hợp Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường*).

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 7 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội như sau: “*Trước khi tổ chức đại hội 30 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) hoặc 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập), ban chấp hành hội hoặc ban vận động thành lập hội gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.241.334.150 đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 998.133.990 đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 243.200.160 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %

14.3. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm lệ phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đối với cơ sở phục vụ dưới 200 suất ăn từ 700.000đồng/lần/cơ sở xuống còn 500.000đồng/lần/cơ sở.

Lý do: Việc giảm lệ phí thẩm định giúp tiết kiệm chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo được quá trình thực hiện thẩm định thực tế của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

c) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b mục 1 phần III Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm như sau: “b. *Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:*

- *Phục vụ dưới 200 suất ăn: 500.000đồng/lần/cơ sở...*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 119.188.032 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.788.032 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.400.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %

14.4. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC khi hồ sơ hợp lệ từ 15 ngày thành 10 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 64 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ INTERNET và Thông tin trên mạng như sau: “2. *Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.*”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.529.536 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.594.294 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.935.242 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32 %

14.5. Thủ tục đăng ký khai tử lưu động

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 25 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch như sau: “1. Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh, khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.

Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh, khai tử theo quy định của Luật hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư này; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn trả kết quả đăng ký khai sinh, khai tử lưu động không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận”.

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 44.876.220 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.434.940 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 34 %

14.6. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 26 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch như sau: “1. Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và

điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động. Tại địa điểm đăng ký lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn trả kết quả đăng ký kết hôn lưu động không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận”.

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 33.657.165 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22.076.165 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.581.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 34 %

14.7. Thủ tục: Xác nhận thông tin hộ tịch

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến như sau: “3. ... Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền thẩm tra hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, nếu thấy thông tin đề nghị xác nhận là đúng thì có văn bản xác nhận thông tin hộ tịch trả cho người có yêu cầu. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.917.480 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.476.200 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52 %

14.8. Thủ tục: Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở như sau: “*Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận. Trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.830.482 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.514.290 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.316.192 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,23 %

14.9. Thủ tục: Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội như sau: “*b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*”.

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.693.972 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.763.812 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.160 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 34 %

15. HUYỆN BẠCH THÔNG

15.1. Thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình xuống còn 18 ngày và thời gian 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ xuống còn 12 ngày.

Lý do: Đây là TTHC có trình tự thực hiện đơn giản, việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (*Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014*) như sau: “*Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian 18 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình, bao gồm cả giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời và trong thời gian 12 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản này. Thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.*”

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

** Đối với cấp giấy phép xây dựng công trình*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 94.384.824 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 85.120.056 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 9.264.768 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %

** Đối với cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 70.643.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 57.132.736 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 13.511.120 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19 %

15.2. Thủ tục: Công nhận tuyên truyền viên pháp luật

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 5 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật như sau: “*4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật*

của công chức tư pháp - hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 23.740.968 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 9.843.816 đồng /năm
- Chi phí tiết kiệm: 13.897.152 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59 %

15.3. Thủ tục: Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc thành 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy an Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở như sau: *“Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”.*

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.933.984 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.036.832 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 13.897.152 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 58 %

15.4. Thủ tục: Thôi làm hòa giải viên

a) Nội dung đơn giản hoá: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy an Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở như sau: *“2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”.*

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.790.968 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.211.432 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 18.529.536 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 78 %

15.5. Thủ tục: Thanh toán thù lao cho hoà giải viên

a) Nội dung đơn giản hoá: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hoà giải ở cơ sở như sau: “2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; ...”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 23.740.968 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 9.843.816 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 13.897.152 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59 %

15.6. Thủ tục: Chứng thực Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 37 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau: “Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 01(một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực”.

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 51.149.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 27.987.320 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 23.161.920 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 45 %

16. HUYỆN PÁC NẠM

16.1. 1. Thủ tục: Đăng ký khai tử

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 28 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch như sau: “2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hồ sơ. Nếu xét thấy các thông tin là đầy đủ, chính xác và việc đăng ký lại khai tử là đúng pháp luật thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp bản chính trích lục hộ tịch cho người có yêu cầu; ghi nội dung đăng ký lại khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu khai tử ký, ghi rõ họ tên vào Sổ hộ tịch”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.501.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.920.640 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.580.960 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,48 %

16.2. Thủ tục: Thủ tục thôi làm hòa giải viên

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy an Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở như sau: “2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.240.630 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.460.320 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.780.310 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,52 %

17. THÀNH PHỐ BẮC KẠN

17.1. Thủ tục: Đăng ký lại khai sinh

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị đơn giản hóa trình tự thực hiện của thủ tục đối với trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch không cần thực hiện việc gửi văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Cơ quan đăng ký hộ tịch sẽ chủ động tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Lý do: Trên cơ sở các thông tin được cung cấp, cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu thông tin về quan hệ cha, mẹ, con của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh thông qua Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch như sau: “*Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 304.609.216 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 299.688.832 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.920.384 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2 %

17.2. Thủ tục: Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 47 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ về việc quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường*

hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.298.606 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 2.368.446 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.160 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45 %

17.3. Thủ tục: Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 03 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội như sau: *“Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”*.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 11.143.321.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.275.635.200 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.867.686.400 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53 %

17.4. Thủ tục: Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

17.5. Thủ tục: Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng như sau: *“...Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ*

ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 538.080.354 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 173.280.114 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 364.800.240 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 68 %

17.6. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “*Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận mối quan hệ với người có công gồm: căn cước công dân*”.

Lý do: Hiện nay, các thông tin về CCCD của người yêu cầu thực hiện TTHC có thể khai thác tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (được kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh). Do đó, đã đảm bảo cơ sở để công chức tiếp nhận hồ sơ tra cứu thông tin.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ “*b) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận mối quan hệ với người có công gồm: căn cước công dân*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 116 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.650.384 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.348.860 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 301.524 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %

17.7. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận khuyết tật

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: UBND cấp xã đã có hồ sơ đang lưu giữ và có danh sách đầy đủ đối tượng khuyết tật, vì vậy khi nhận được đơn đề nghị đổi, cấp giấy xác nhận khuyết tật của người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật thì công chức phụ trách có thể thẩm định ngay và tham mưu kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo ký duyệt, như vậy từ bước nhận hồ sơ và đến khi trả kết quả chỉ mất tối đa 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện như sau: “*2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hồ sơ đang lưu giữ quyết định cấp đổi hoặc cấp lại*

Giấy xác nhận khuyết tật”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 1.930.160 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 772.064 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.158.096 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %

17.8. Thủ tục: Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Khi lấy ý kiến tham vấn trong đánh giá tác động môi trường từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì chủ dự án đầu tư đã có sẵn hồ sơ để tổ chức cho ý kiến tham vấn, do vậy căn cứ vào các quy định hiện hành và thời hạn giải quyết thực tế thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thể cho ý kiến sau khi nhận được văn bản nhiều nhất 10 ngày, giúp cho chủ đầu tư rút ngắn được thời gian giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường như sau: “c) Tham vấn bằng văn bản: ...*Các đối tượng được tham vấn bằng văn bản có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn. Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn*”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 7.790.480 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.860.320 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.160 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3 %

18. HUYỆN NGÂN SƠN

18.1. Thủ tục: Cấp bản sao từ sổ gốc

18.2. Thủ tục: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 15 giờ xuống còn 10 giờ.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau: “*Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan,*

tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 10 giờ; ...”.

c) Lợi ích của việc đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 443.733.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 315.225.600 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 128.508.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,96 %